



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010134	Tổng Đăng	Minh	23/11/2003	NH9A	01	35	5,5	01	Minh	Lê
2	000002	0901010640	Nguyễn Như	Quỳnh	20/10/2003	NH9A	01	36	2,5	01	Quỳnh	Chấn
3	000003	0901030151	Phạm Hoàng	Lan	19/05/2003	QT9B	01					HP,ĐK
4	000004	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	37	5,0	01	An	Chấn
5	000005	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	38	3,5	01	Quốc An	Lê
6	000006	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	39	2,0	01	Anh	Chấn
7	000007	1101010774	Phạm Hoàng	Phương Anh	28/11/2004	TC11A	01	40	5,0	01	Phạm	Lê
8	000008	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	41	2,5	01	Ánh	Chấn
9	000009	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	42	4,0	01	Cường	Lê
10	000010	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01	43	2,0	01	Đăng	Chấn
11	000011	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	44	4,0	01	Đạt	Lê
12	000012	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	05/05/2005	TC11A	01	45	5,5	01	Diệu	Chấn
13	000013	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	46	6,5	2	Đức	Lê
14	000014	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01	47	2,0	01	Dũng	Chấn
15	000015	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	48	7,5	01	Dũng	Lê
16	000016	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	68	2,0	01	Dương	Chấn
17	000017	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	49	2,5	01	Phạm	Lê
18	000018	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	50	4,5	01	Dương	Chấn
19	000019	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	51	3,8	01	Vũ	Lê
20	000020	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	52	2,8	01	Duy	Chấn
21	000021	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	53	4,0	01	Phương	Lê
22	000022	1101010806	Trần Thị Vân	Giang	30/04/2005	TC11A	01	54	1,0	01	Giang	Chấn
23	000023	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	55	5,0	01	Ngân	Lê
24	000024	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01	56	3,5	01	Hằng	Chấn
25	000025	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	57	3,0	01	Hằng	Lê
26	000026	1101010816	Phạm Thị	Hiên	07/01/2005	TC11A	01	58	2,0	01	Hiên	Chấn
27	000027	1101010817	Dur Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	59	2,0	01	Hiệp	Lê
28	000028	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	60	4,5	01	Hoa	Chấn
29	000029	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01	61	3,5	01	Hoàng	Lê
30	000030	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	62	3,5	01	Hoàng	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01	63	7,0	01	Hương	lẻ
32	000032	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01	64	5,5	01	Hương	chẵn
33	000033	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	65	5,5	01	Huy	lẻ
34	000034	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	66	2,5	01	Huyền	chẵn
35	000035	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01	67	4,0	01	Huyền	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...34....

Tổng số tờ giấy thi: ...35....

Tổng số biên bản: ...0....

Ngày 18 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Ngọc Lan Nguyễn Thị Nguyệt



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	1	6,0	1	Huyền	Chấn
2	000037	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	2	3,5	1	Khải	lẻ
3	000038	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	3	7,5	1	Lan	chấn
4	000039	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	4	7,0	1	Linh	lẻ
5	000040	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	5	4,5	1	Linh	chấn
6	000041	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	6	5,0	1	linh	lẻ
7	000042	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	7	2,5	1	Long	chấn
8	000043	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	8	5,5	1	ly	lẻ
9	000044	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	9	3,5	1	Ly	chấn
10	000045	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	10	9,3	1	Mai	lẻ?
11	000046	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	11	4,0	1	Nam	chấn
12	000047	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	12	8,5	1	Nga	lẻ
13	000048	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	13	4,0	1	Ngân	chấn
14	000049	1101010876	Nguyễn Yên	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	14	9,0	1	nhi	lẻ
15	000050	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	15	3,0	1	Nhung	chấn
16	000051	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	16	5,5	1	Phương	lẻ
17	000052	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	17	5,5	1	Quang	chấn
18	000053	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01	18	9,0	1	Thảo	lẻ
19	000054	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	19	2,3	1	Thơ	chấn
20	000055	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	20	9,5	1	Thu	lẻ
21	000056	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	21	4,5	1	Thu	chấn
22	000057	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	22	9,5	1	Thương	lẻ
23	000058	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01	23	4,0	1	Toàn	chấn
24	000059	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	24	6,3	1	Trang	lẻ
25	000060	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01	25	9,5	1	Trang	chấn
26	000061	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	26	4,5	1	W	HP lẻ
27	000062	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	27	5,5	1	Trang	chấn
28	000063	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	28	4,5	1	Trang	lẻ
29	000064	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	29	3,0	1	Tuấn	chấn
30	000065	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	30	4,0	1	Tùng	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000066	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	31	5,5	1	Vy	chấn
32	000067	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01					HP,ĐK
33	000068	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	32	3,5	1	Xuân	chấn
34	000069	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01	33	8,5	1	Yến	lẻ
35	000070	0710111627	Nguyễn Giang	Son	15/11/1998	TC7A	01	34	2,0	1	Son	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 34....
 Tổng số tờ giấy thi: 34....
 Tổng số biên bản: 0....

Ngày 18 tháng 06 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Sud
Đoàn Thị Linh Nguyễn Thị Hải Hương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000071	1001060351	Vũ Hà Thanh	Bình	10/11/2004	KA10A	02	102	6,8	1	Phúc	chẩn
2	000072	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	02	103	6,0	1	Anh	chẩn
3	000073	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	02	104	6,8	1	Anh	lẻ
4	000074	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	02	105	4,0	1	Châu	chẩn
5	000075	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	02	106	4,5	1	Chi	lẻ
6	000076	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	02	107	9,0	1	Đại	chẩn
7	000077	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	02	108	6,3	1	Đào	lẻ
8	000078	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	02	109	4,3	1	Dũng	chẩn
9	000079	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	02	110	3,5	1	Duy	lẻ
10	000080	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	02	111	9,0	1	Hiền	chẩn
11	000081	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	02	112	3,5	1	Hoàng	lẻ
12	000082	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	02	113	4,5	1	Hương	chẩn
13	000083	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	02	114	9,5	1	Lan	lẻ
14	000084	1101060351	Quyền Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	02	115	9,0	1	Lụa	chẩn
15	000085	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	02	116	6,0	1	Mạnh	lẻ
16	000086	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	02					HP,ĐK
17	000087	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	02	117	5,8	1	Ngọc	lẻ
18	000088	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	02	118	8,5	1	Thảo	chẩn
19	000089	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	02	119	8,3	1	Thảo	lẻ
20	000090	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	02	120	9,0	1	Thùy	chẩn
21	000091	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	02	121	6,5	1	Thùy	lẻ
22	000092	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	02	122	9,0	1	Trang	chẩn
23	000093	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	02	123	6,8	1	Trang	lẻ
24	000094	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	02	124	7,0	1	Tú	chẩn
25	000095	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	02	125	5,0	1	Tuấn	lẻ
26	000096	0901020748	Vũ Thị	Hòa	05/04/2003	NH9A	02					
27	000097	0901030982	Luyện Minh	Đức	23/12/2003	QT9B	02	126	3,5	1	Đức	lẻ
28	000098	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	02	127	2,0	1	Anh	chẩn
29	000099	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	02					HP,ĐK
30	000100	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	02	128	4,5	1	Long	chẩn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000101	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	02	129	4,88	01	Minh	lẻ
32	000102	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	02	130	4,58	01	Thiên	chẵn
33	000103	0901030724	Đỗ Xuân	Thành	01/07/2003	TC9B	02					ĐK
34	000104	1001081414	Phạm Hoàng	Hiệp	23/09/2004	TM10A	02	131	2,0	01	hiệp	chẵn
35	000105	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	02	132	2,58	01	linh	lẻ
36	000106	1001080415	Đỗ Trường	Sơn	21/07/2004	TM10A	02	133	2,58	01	sơn	chẵn
37	000107	1001080734	Nguyễn Lê Hoàng	Tùng	09/06/2004	TM10A	02	134	4,58	01	Tùng	lẻ

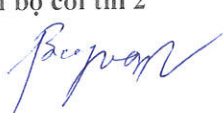
Tổng số sinh viên dự thi:.....33.....

Tổng số tờ giấy thi:.....33.....

Tổng số biên bản:.....0.....

Ngày 18... tháng 6... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


 Vũ Thị Thuý Dung 
 Bùi Thị Minh Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Thuế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000108	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	03					HP,ĐK
2	000109	0901010767	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	28/12/2003	NH9A	03					ĐK
3	000110	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	03	69	2,5	1	Anh	chấn
4	000111	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	03	70	4,0	1	Anh	lẻ
5	000112	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	03	71	6,3	1	Anh	chấn
6	000113	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	03	72	5,0	1	Bộ	lẻ
7	000114	1101080510	Phạm Hải	Đăng	23/02/2005	TM11A	03	73	1,5	1	Đăng	chấn
8	000115	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	03	74	3,3	1	Duyên	lẻ
9	000116	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	03	75	5,8	1	Hà	chấn
10	000117	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	03	76	5,0	1	Hà	lẻ
11	000118	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	03	77	4,0	1	Hằng	chấn
12	000119	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	03	78	6,0	1	Hiếu	lẻ
13	000120	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	03	79	4,5	1	Huyền	chấn
14	000121	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	03	80	3,5	1	Huyền	lẻ
15	000122	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	03	81	4,5	1	Lan	chấn
16	000123	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	03	82	8,5-25%BB 6,4	1	Linh	lẻ
17	000124	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	03	83	4,5	1	Linh	chấn
18	000125	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	03	84	6,8-25%BB 5,1	1	Linh	lẻ
19	000126	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	03	85	6,5	1	Linh	chấn
20	000127	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		28/08/2005	TM11A	03	86	6,8	1	Kiến	lẻ
21	000128	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	03	87	6,0	01	Linh	chấn
22	000129	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03	88	3,0	1	Linh	HP,ĐK
23	000130	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	03					HP
24	000131	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	03					HP,ĐK
25	000132	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	03	89	5,5	1	Lý	chấn
26	000133	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	03	90	4,5	1	Mai	lẻ
27	000134	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	03					HP,ĐK
28	000135	1101080416	Nguyễn Thị Tố	Quỳnh	01/01/2005	TM11A	03	91	5,5	1	Quỳnh	lẻ
29	000136	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	03	92	3,0	1	Quỳnh	chấn
30	000137	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	03	93	6,0	1	Thái	lẻ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000138	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	03	94	4,0	1		110
32	000139	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	03	95	5,5	1		109
33	000140	1101080421	Nguyễn Văn	Tối	30/10/2005	TM11A	03	96	9,0	1		chấn
34	000141	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	03	97	7,0	1		lẻ
35	000142	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	03	98	5,0	1		chấn
36	000143	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	03	99	7,5	1		lẻ
37	000144	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	03	100	4,0	1		chấn
38	000145	1101080758	Ngô Thị	Yên	09/09/2005	TM11A	03	101	4,5	1		10 Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....
 Tổng số tờ giấy thi: 33....
 Tổng số biên bản: 01.....

Ngày 18.. tháng 6.. Năm 2021.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Vũ Thị Hà

 Hoàng Thái